

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2020/DS-PT
Ngày: 22 - 6 - 2020
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải.

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 22 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 253/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 300/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1971; (có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1970; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1989; (có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1991; (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh T và Nguyễn Thị Kim T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh D, chị V đã mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc trong nhiều năm, trước khi anh D, chị V mua thức ăn tại cửa hàng của chị thì anh D, chị V còn nợ tiền thức ăn tại cửa hàng Q. Khi mua bán hai bên thỏa thuận chị sẽ giao thức ăn cho anh D, chị V sau đó đến khi anh D, chị V bán heo sẽ thanh toán tiền thức ăn cho chị. Quá trình mua bán hai bên đều có sổ theo dõi số lượng thức ăn giao và số tiền thức ăn còn nợ lại. Hai bên mua bán đến ngày 12/02/2016 âm lịch thì anh D, chị V còn nợ chị số tiền là 277.034.000 đồng. Do anh D nợ tiền cửa hàng Q và đang bị kê biên để thi hành án nên anh D có thỏa thuận mượn số tiền bán heo dùng trả nợ thức ăn cho chị để trả cho cửa hàng Q rồi lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay thế chấp ngân hàng để trả nợ cho chị (hai bên chỉ thỏa thuận miệng). Sau khi trả nợ cho cửa hàng Q xong, anh D lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất cho con trai là Nguyễn Minh T đứng tên. Hai bên mua bán đến ngày 27/11/2016 âm lịch thì ngưng cho đến nay. Tính đến ngày 27/11/2016 thì anh D, chị V còn nợ lại chị số tiền thức ăn gia súc là 377.459.000 đồng. Quá trình mua bán do có thời điểm anh D, chị V nợ nhiều nên chị không bán thức ăn cho anh D, chị V nữa thì anh T, chị T1 có nói chị tiếp tục bán thức ăn cho anh D, chị V có gì thì anh T, chị T1 phụ trả nợ với anh D, chị V (hai bên chỉ thỏa thuận miệng). Đồng thời khi mua bán, giao thức ăn và tổng kết nợ thì anh T, chị T1 có ký nhận số lượng thức ăn đã giao và ký nhận số tiền nợ thức ăn đến thời điểm giao nhận.

Hiện nay anh D, chị V, anh T, chị T1 còn nợ tiền thức ăn chăn nuôi gia súc của chị là 377.459.000 đồng. Chị H khởi kiện yêu cầu anh D, chị V, anh T, chị T1 liên đới trả cho chị số tiền vốn còn nợ là 377.459.000 đồng và tiền lãi tính từ khi khởi kiện ngày 12/12/2017 cho đến khi Tòa án xét xử, với mức lãi suất 1,6%/tháng, số tiền lãi tạm tính đến ngày 14/10/2019 là 133.406.000 đồng.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị V trình bày:

Vợ chồng anh chị có thỏa thuận mua thức ăn tại cửa hàng của chị H. Hai bên mua bán đến ngày 27/11/2016 âm lịch thì ngưng. Qua đối chiếu sổ giữa hai bên tại Tòa án ngày 02/4/2018 thì số tiền vợ chồng anh chị còn nợ chị H là 377.459.000 đồng. Khi mua bán hai bên đều có sổ theo dõi số lượng thức ăn giao và giá tiền của từng loại thức ăn tại thời điểm anh mua. Khi bắt đầu mua bán chị H thỏa thuận giá bao chuồng từ 15.000 đồng đến 20.000 đồng/bao, sau đó có thời gian chị H không chịu bán thức ăn cho anh nên vợ chồng anh đến cửa hàng khác mua thì được biết giá mỗi bao thức ăn chênh lệch từ 40.000 đồng đến 50.000 đồng/bao, thời điểm anh phát hiện giá thức ăn chênh lệch là ngày 04/02/2016 âm lịch và hai bên ngưng mua bán. Sau đó, hai bên thỏa thuận tiếp tục mua bán, việc thỏa thuận này chỉ là thỏa thuận giữa anh và chị H chứ không liên quan đến anh T. Do anh không trực tiếp nhận thức ăn do cửa hàng chị H giao nên các con của anh ở nhà có khi viết tên anh để ký nhận. Quá trình mua bán anh có thỏa thuận miệng với chị H mượn tiền vốn của chị H để trả nợ cho người khác và có thỏa thuận trả nợ cho người khác xong sẽ lấy sổ đỏ để vay tiền trả cho chị H. Phần đất anh đang đứng tên quyền sử dụng đất là do mẹ anh cho

anh đứng tên để vay tiền ngân hàng, sau đó mẹ anh đã lấy lại để cho con trai anh là T (hai bên đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất trước khi chị H khởi kiện).

Nay vợ chồng anh đồng ý trả cho chị H số tiền còn nợ là 377.459.000 đồng, nhưng trả 01 lần không khả năng, xin trả dần mỗi tháng 7.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ. Đối với yêu cầu trả lãi thì vợ chồng anh không đồng ý với lý do chị H đã bán thức ăn cho anh cao hơn các cửa hàng khác từ 35.000 đồng đến 50.000 đồng/bao.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Kim T1 trình bày:*

Vợ chồng anh chị không có tham gia chăn nuôi cùng với anh D, chị V. Vợ chồng anh chị không mua thức ăn gia súc của chị H, mặc dù vợ chồng anh chị đăng ký hộ khẩu chung nhà với anh D, chị V ở huyện G nhưng vợ chồng anh chị không thường xuyên ở nhà của anh D, chị V. Đối với chữ ký của vợ chồng anh chị trong sổ theo dõi giao nhận số lượng thức ăn mà chị H đã nộp thì vợ chồng anh chỉ nhận thay anh D số lượng thức ăn mà chị H đã giao. Do đó, vợ chồng anh chị không liên quan đến số tiền mà anh D, chị V nợ chị H. Vợ chồng anh chị không đồng ý liên đới cùng anh D, chị V trả số tiền 377.459.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của chị H.

- Bản án sơ thẩm số: 253/2019/DS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H đối với anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Kim T1.

Buộc anh D, chị V, anh T, chị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền thức ăn chăn nuôi gia súc còn nợ là 377.459.000 đồng và tiền lãi là 72.888.923. Tổng số tiền anh D, chị V, anh T, chị T1 liên đới trả cho chị H là 450.347.923 đồng.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh D, chị V, anh T, chị T1 chậm trả số tiền nêu trên thì anh D, chị V, anh T, chị T1 phải trả tiền lãi theo quy định Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 27/11/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn D kháng cáo bản án sơ thẩm số 253/2019/DSST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, chỉ đồng ý trả 377.459.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 7.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi vì số tiền nợ đã tính lãi 45.000 đồng đến 50.000 đồng/bao.

* Ngày 27/11/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Kim T1 kháng cáo bản án sơ thẩm số 253/2019/DSST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, anh chị không đồng ý liên đới với ông D, bà V trả 377.459.000 tiền mua thức ăn và tiền lãi vì anh chị không tham gia chăn nuôi với ông D, bà V, không mua bán thức ăn gia súc với chị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Nguyễn Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh T, Nguyễn Thị Kim T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không có thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ người tham gia tố tụng đúng với luật định. Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định bản án sơ thẩm xử buộc anh D, chị V, anh T, chị T1 liên đới nghĩa vụ trả vốn và lãi cho chị H 450.347.923 đồng là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh D, anh T, chị T1, giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu đại diện Viện kiểm sát. Xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh T, Nguyễn Thị Kim T1 thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử tiến hành xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Chị Nguyễn Thị Kim T1 có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt chị T1.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới nghĩa vụ trả lại tiền mua thức ăn chăn nuôi. Tòa sơ thẩm xác định tranh chấp hợp đồng mua bán là đúng với tính chất của vụ án và thuộc thẩm quyền, phạm vi giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430, 433, 434 và 440, 357, 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị là người bán thức ăn chăn nuôi có thỏa thuận bán thức ăn nuôi heo cho anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị V theo hình thức giao thức ăn trước, khi bán heo sẽ thanh toán tiền thức ăn cho chị. Quá trình mua bán thức ăn nuôi heo cho anh D, chị V thì chị còn giao cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Kim T1 nhận thức ăn chăn nuôi heo bởi anh D, chị V nợ tiền mua thức ăn nuôi heo không trả nên chị không bán thiếu nữa nhưng theo lời cam kết của anh T, chị T1

phụ trả nợ với anh D, chị V nên chị mới giao tiếp. Việc mua bán giữa hai bên có sổ theo dõi và ký nhận số lượng và tiền. Tính từ ngày 12/02/2016 âm lịch đến ngày 27/11/2016 âm lịch thì anh D, chị V còn nợ tiền mua thức ăn gia súc của chị H 377.459.000 đồng. Chị H yêu cầu anh D, chị V, anh T, chị T1 trả cho chị 377.459.000 đồng tiền nợ mua thức ăn gia súc và 133.406.000 đồng tiền lãi.

Bị đơn Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị V thừa nhận quá trình mua thức ăn chăn nuôi của chị H qua đối chiếu giữa hai bên tại Tòa án ngày 02/4/2018 thì anh chị còn nợ chị H 377.459.000 đồng. Anh chị đồng ý trả chị H 377.459.000 đồng nhưng xin trả mỗi tháng 7.000.000 đồng, còn tiền lãi thì không đồng ý vì chị H bán cho anh chị giá cao hơn các chỗ khác từ 35 đến 50 ngàn đồng trên bao.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh T, Nguyễn Thị Kim T1 trình bày anh chị không mua thức ăn gia súc của chị H, còn chữ ký của anh chị trong sổ theo dõi giao nhận số lượng thức ăn gia súc của chị H thì anh chị nhận thay anh D, chị V không liên quan đến tiền nợ anh D, chị V nên không đồng ý liên đới trả nợ theo yêu cầu chị H.

Án sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị H, buộc anh D, chị V, anh T, chị T1 liên đới trả chị H 377.459.000 tiền vốn và 72.88.923 đồng tiền lãi. Không đồng ý với án sơ thẩm, anh D, anh T, chị T1 đều kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn D nhận thấy: Anh D thừa nhận quá trình mua thức ăn chăn nuôi heo với chị Lê Thị H tính đến ngày 02/4/2018 anh và chị V, anh T, chị T1 còn nợ chị H 377.459.000 đồng. Anh D, chị V đồng ý trả chị H 377.459.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 7.000.000 đồng. Việc anh D, chị V, anh T, chị T1 nợ tiền mua thức ăn gia súc của chị H kéo dài nhiều năm không trả đã làm thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của chị H. Nay tại Tòa phúc thẩm, anh D xin trả nợ dần cho chị H mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Yêu cầu này của anh D không được chị H đồng ý nên Tòa án không có cơ sở chấp nhận được. Đối với tiền lãi, anh D cho rằng hợp đồng mua bán thức ăn gia súc giữa vợ chồng anh với chị H không có thỏa thuận tính lãi, mặt khác chị H bán thức ăn gia súc cho anh chị giá cao hơn nơi khác từ 35.000 đồng đến 50.000 đồng/bao nên anh chị không đồng ý trả lãi cho chị H. Xét thấy, hợp đồng mua bán thức ăn gia súc giữa vợ chồng anh D với chị H không có thỏa thuận tính lãi, nhưng việc mua bán giữa hai bên đã ngừng giao dịch từ 27/11/2016 âm lịch thì anh D, chị V, anh T, chị T1 còn nợ chị H 377.459.000 đồng kéo dài cho đến nay không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của chị H nên chị H yêu cầu tính lãi số tiền chậm trả là có cơ sở. Án sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H buộc anh D, chị V, anh T, chị T1 phải chịu mức lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền nợ chậm trả tính từ ngày Tòa án thụ lý là 12/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (21/11/2019) bằng 23 tháng 08 ngày là có căn cứ đúng với quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh D được.

[5] Đối với yêu cầu kháng cáo của anh T, chị T1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh D, chị V mua thức ăn chăn nuôi là nhằm mục đích tăng gia sản xuất phục vụ nhu cầu cuộc sống gia đình. Trong thời điểm chăn nuôi heo thì anh T,

chị T1 cùng chung sống trong gia đình anh D, chị V. Theo lời khai của các đương sự và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Anh D, chị V mua thức ăn chăn nuôi do chị H cung ứng tính đến ngày 12/02/2016 âm lịch thì anh chị còn nợ chị H 277.043.000 đồng. Do anh D, chị V nợ không trả nên chị H ngưng cung ứng thức ăn chăn nuôi cho anh D, chị V. Thấy vậy, anh T, chị T1 đề nghị chị H tiếp tục cung ứng thức ăn chăn nuôi cho gia đình anh D, chị V, anh chị sẽ lo phụ trả nợ cho chị H. Do đó, chị H tiếp tục giao thức ăn gia súc cho gia đình chị V, anh D. Tính từ ngày 12/02/2016 âm lịch đến ngày 27/11/2017 âm lịch chị H giao thức ăn gia súc cho gia đình anh D, chị V trong đó có anh T, chị T1 trực tiếp ký nhận nhiều lần với số nợ tăng thêm 100.416.000 đồng thành 377.459.000 đồng. Mặc dù anh T, chị T1 khai chỉ ký sổ giao nhận thức ăn chăn nuôi dùm anh D, chị V nhưng trong hồ sơ thể hiện vào ngày 20/8/2016 chị T1 có ký sổ xác nhận còn nợ chị H 361.414.000 đồng tiền thức ăn gia súc (bút lục 26) nên không thể nói anh T, chị T1 đứng ngoài quan hệ mua bán thức ăn chăn nuôi với chị H được.

Mặt khác, tại tòa sơ thẩm và phúc thẩm anh D đã thừa nhận ngoài việc nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của chị H thì còn nợ người khác có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh đứng tên nên khi bán heo anh mượn lại tiền mua thức ăn chăn nuôi của chị H để trả nợ nhằm lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về thể chấp vay ngân hàng trả nợ chị H. Tuy nhiên, sau khi lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về anh D làm thủ tục tặng cho toàn bộ diện tích thửa đất số 207 diện tích 1.642,5m² và thửa số 359 diện tích 3.356m² đất cho anh T mà không vay tiền trả nợ chị H. Đây là hành vi tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của anh D. Hiện tại anh D, chị V không còn tài sản thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Tòa sơ thẩm buộc anh T, chị T1 liên đới nghĩa vụ trả nợ với anh D, chị V là đúng với Điều 280 và 288 của Bộ luật dân sự. Nhưng xét thấy anh T, chị T1 chỉ tham gia giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi với chị H từ ngày 12/02/2016 âm lịch đến ngày 27/11/2016 âm lịch thì ngưng với số nợ phát sinh 100.416.000 đồng nên nghĩa vụ trả nợ của các đương sự được tính như sau:

[5.1] Anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị H 277.043.000 đồng tiền vốn và tiền lãi (277.043.000 đồng x 0,83%/tháng x 23 tháng 08 ngày) 53.498.936 đồng. Tổng cộng 330.541.936 đồng.

[5.2] Anh Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Kim T1 phải trả cho chị Lê Thị H 100.416.000 đồng tiền vốn và tiền lãi (100.416.000 đồng x 0,83%/tháng x 23 tháng 08 ngày) 19.391.668 đồng. Tổng cộng 119.807.668 đồng.

Căn cứ vào nội dung phân tích Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh D; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh T, chị T1, sửa 1 phần quyết định án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định.

Xét ý kiến nhận xét và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn D.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Kim T1.

Sửa một phần quyết định án sơ thẩm số 253/2019/DS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 147, 148, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 288, 357, 468, 430, 433, 434 và Điều 440 của Bộ luật dân sự và Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

- Buộc anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị V liên đới nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị H 277.043.000 đồng tiền vốn và 53.498.936 đồng tiền lãi. Tổng cộng 330.541.936 đồng (Ba trăm ba chục triệu năm trăm bốn mươi một ngàn chín trăm ba mươi sáu đồng).

- Buộc anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Kim T1 liên đới nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị H 100.416.000 đồng tiền vốn và 19.391.668 đồng tiền lãi. Tổng cộng 119.807.668 đồng (Một trăm mười chín triệu tám trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm sáu mươi tám đồng).

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh D, anh T, chị V, chị T1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Anh D, chị V phải chịu 16.527.096 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

- Anh D, anh T, chị V, chị T1 phải chịu 5.990.383 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh T, chị T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Chị H phải chịu 3.025.853 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại tạm ứng án phí cho:

+ Chị Lê Thị H 3.335.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016065 ngày 15/10/2019; số tiền 9.448.975 đồng theo biên lai thu số 39092 ngày 12/12/2017; số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 39364 ngày 24/4/2018 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016052 ngày 01/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Anh Nguyễn Minh T 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016109 ngày 27/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Anh Nguyễn Văn D 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016110 ngày 27/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ ngày 22 tháng 6 năm 2020, có mặt chị H, anh D, vắng mặt chị V, anh T, chị T1./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hoàng Khải